

Số: /GP-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước mặt của Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang ngày 18 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 15/TTr-TNMT ngày 20/01/2025 về việc cấp giấy phép khai thác nước mặt công trình hồ chứa Ngòi Là 1 tại thôn Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang của Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang (Địa chỉ: Số 108, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên công trình: Hồ chứa nước Ngòi Là 1.
- Mục đích khai thác nước: (1) Cấp nước tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; (2) Tạo nguồn, cung cấp nước tưới cho hồ chứa Ngòi Là 2.
- Nguồn nước khai thác: Nước mặt hồ chứa Ngòi Là 1 tại thôn Động Sơn,

xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác nước mặt: Thôn Động Sơn, xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Tọa độ vị trí lấy nước theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0 :

- Cổng lấy nước: X: $24^{\circ}12.105,384$ Y: $411.266,429$
- Tim tuyến đập: X: $24^{\circ}12.098,049$ Y: $411.251,291$
- Tim tuyến tràn: X: $24^{\circ}12.003,165$ Y: $411.089,969$

5. Chế độ khai thác: 24 giờ/ngày, 151 ngày/năm.

6. Lượng nước khai thác: Cung cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 7,567 ha/năm diện tích lúa, rau màu và nuôi trồng thủy sản thuộc xã Chân Sơn, huyện Yên Sơn và tạo nguồn cung cấp nước cho hồ chứa Ngòi Là 2, cụ thể:

6.1. Lượng nước khai thác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp:

- Vụ Xuân:

- + Lưu lượng nước khai thác lớn nhất: $0,0065 \text{ m}^3/\text{s}$.
- + Lưu lượng nước khai thác nhỏ nhất: $0,0022 \text{ m}^3/\text{s}$.
- + Lưu lượng nước khai thác lớn nhất trong ngày: $562,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- + Lưu lượng nước khai thác lớn nhất trong tháng: $9.002 \text{ m}^3/\text{tháng}$.
- + Tổng lượng nước khai thác vụ Xuân: $28.590 \text{ m}^3/\text{vụ}$.

- Vụ Mùa:

- + Lưu lượng nước khai thác lớn nhất: $0,0048 \text{ m}^3/\text{s}$.
- + Lưu lượng nước khai thác nhỏ nhất: $0,0008 \text{ m}^3/\text{s}$.
- + Lưu lượng nước khai thác lớn nhất trong ngày: $411,14 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- + Lưu lượng nước khai thác lớn nhất trong tháng: $6.578 \text{ m}^3/\text{tháng}$.
- + Tổng lượng nước khai thác vụ Mùa: $19.896 \text{ m}^3/\text{vụ}$.

6.2. Lượng nước khai thác phục vụ cho nuôi trồng thủy sản:

- Vụ Xuân:

- + Lưu lượng nước khai thác lớn nhất: $0,0018 \text{ m}^3/\text{s}$.
- + Lưu lượng nước khai thác nhỏ nhất: $0,0006 \text{ m}^3/\text{s}$.
- + Lưu lượng nước khai thác lớn nhất trong ngày: $158,56 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- + Lưu lượng nước khai thác lớn nhất trong tháng: $2.537 \text{ m}^3/\text{tháng}$.
- + Tổng lượng nước khai thác vụ Xuân: $8.058 \text{ m}^3/\text{vụ}$.

- Vụ Đông:

+ Lưu lượng nước khai thác lớn nhất: 0,0021 m³/s.

+ Lưu lượng nước khai thác nhỏ nhất: 0,0013 m³/s.

+ Lưu lượng nước khai thác lớn nhất trong ngày: 181,41 m³/ngày đêm.

+ Lưu lượng nước khai thác lớn nhất trong tháng: 725,66 m³/tháng.

+ Tổng lượng nước khai thác vụ Xuân: 1.177 m³/vụ.

6.3. Lượng nước khai thác phục vụ tạo nguồn, cấp nước cho hồ chứa Ngòi Là 2 tại xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang: Lượng nước khai thác lớn nhất là: 0,04 m³/s.

7. Phương thức khai thác: Nước từ hồ chứa qua cống lấy nước (cống điều tiết) dưới thân đập (có van điều tiết nước phía hạ lưu) chuyển đến hệ thống kênh mương để cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và tạo nguồn cung cấp nước cho hồ chứa Ngòi Là 2 tại xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

8. Thời hạn của giấy phép: 05 (năm) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang:

1. Thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp phép. Chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước. Đảm bảo tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

2. Lắp đặt thiết bị đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước; kết nối, cập nhật số liệu quan trắc tại công trình vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định về giám sát, khai thác sử dụng tài nguyên nước.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở Trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và vận hành hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp nước ổn định, an toàn, liên tục và giảm thiểu thất thoát, lãng phí nước.

5. Nếu có sự thay đổi nội dung của Giấy phép phải thực hiện các thủ tục đề nghị cấp phép hoặc điều chỉnh hoặc cấp lại thì phải lập hồ sơ đề nghị cấp phép gửi đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

6. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hiện đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt cùng nguồn nước; không làm ô nhiễm nguồn nước và bảo vệ môi trường, sinh thái tại khu vực khai thác.

7. Trường hợp nguồn nước khai thác bị ô nhiễm không thể xử lý để cấp cho mục đích sử dụng với chất lượng nước bảo đảm theo quy định hiện hành hoặc xảy ra sự cố công trình thì phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo kịp thời đến các cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý.

8. Định kỳ hằng năm (*trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo*) báo cáo tình hình khai thác nước mặt của công trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài nguyên và Môi trường và cập nhật báo cáo vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định.

9. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình, gây mất an toàn đối với tuyến đê kè trong khu vực khai thác nước thì phải dừng ngay việc khai thác và báo cáo kịp thời đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có biện pháp xử lý về các vấn đề có liên quan tới khai thác, sử dụng nước mặt.

10. Sau khi được cấp giấy phép khai thác nước mặt, nếu Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang vi phạm các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các văn bản pháp luật liên quan, không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép khai thác nước mặt thì sẽ bị đình chỉ hoặc thu hồi theo quy định và Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề có liên quan.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước mặt của công trình này.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Chân Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung Môn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang triển khai thực hiện theo đúng nội dung giấy phép và quy định của pháp luật.

Điều 5. Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang còn tiếp tục khai thác nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Chân Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung Môn, Giám đốc Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6 (thực hiện);
- Cục Quản lý tài nguyên nước; | (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh phụ trách TNMT;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên KT;
- Lưu: VT (Toàn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Giang